

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

BÀI: Tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong 10 tháng đầu năm 2024

THUỘC NHIỆM VỤ
THU THẬP, TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN PHỤC VỤ TRIỂN KHAI HIỆP ĐỊNH CPTPP NĂM 2024

Hà Nội, 2024

Tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong 10 tháng đầu năm 2024

I. Tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam sang các thị trường CPTPP trong 10 tháng đầu năm 2024

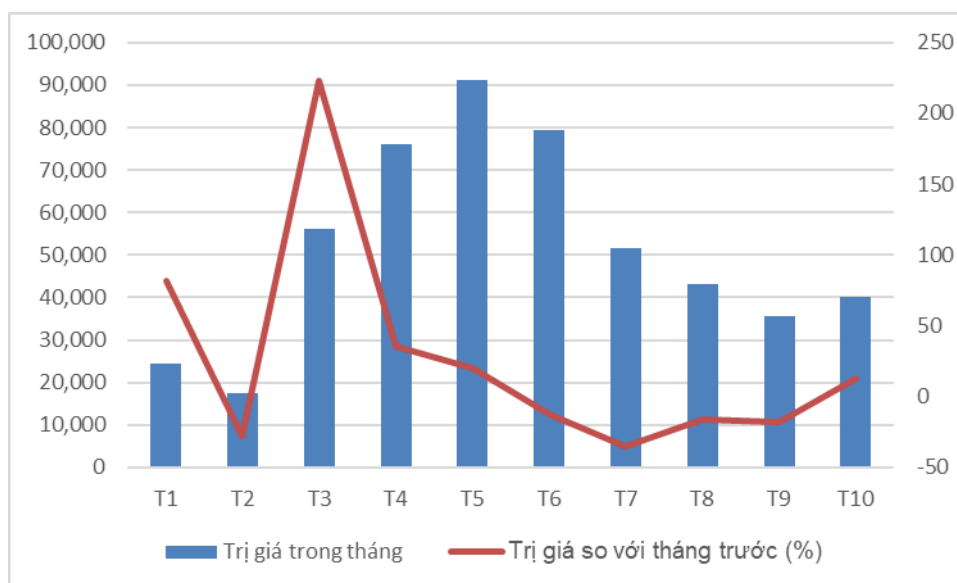
1. Đánh giá tổng quan tình hình xuất khẩu gạo sang thị trường CPTPP trong tháng 10/2024 và 10 tháng đầu năm 2024.

Năm 2024 là một năm nhiều biến động với thị trường lúa gạo toàn cầu. Tuy nhiên, hoạt động xuất nhập khẩu gạo của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2024 vẫn ghi nhận những dấu hiệu tích cực, cho thấy sức hút mạnh mẽ của các sản phẩm gạo Việt trên thị trường thế giới, đặc biệt là với dòng gạo chất lượng cao. Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam đến các nước thành viên CPTPP trong tháng 10 tăng đáng kể so với tháng trước đó, đạt 16,40%; kết quả này đạt được một phần là do những tháng cuối năm, nhu cầu mua sắm cho dịp lễ tết tăng cao, người tiêu dùng tại các thị trường lớn vẫn ưa chuộng và lựa chọn các sản phẩm gạo chất lượng cao của Việt Nam để phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ trong nước.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tính riêng tháng 10/2024, kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường thành viên CPTPP đạt 43,14 triệu USD, tăng 16,40% so với tháng 9/2024 và tăng mạnh 64,38% so với tháng 01/2024; lượng đạt 69,28 nghìn tấn, tăng 17,46% so với tháng trước đó và tăng mạnh 94,92% so với tháng 01/2024. Tháng 10 chứng kiến đà phục hồi của kim ngạch và sản lượng xuất khẩu gạo sau 3 tháng liên tiếp giảm (kể từ tháng 07/2024), cho thấy sự sôi động của thị trường gạo trong các tháng cuối năm. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2024, sản lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường CPTPP đạt 881,02 nghìn tấn, tăng 67,72% so với cùng kỳ năm 2023; trị giá 540,05 triệu USD, tăng 89,01%; chiếm 1,15% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường thị trường này. Tốc độ tăng trưởng bình quân kim ngạch xuất khẩu gạo trong giai đoạn tháng 01 – tháng 10/2024 đạt 26,15%.

Biểu đồ 1: Trị giá xuất khẩu gạo của Việt Nam sang các thị trường thành viên CPTPP hàng tháng năm 2024

ĐVT: Nghìn USD, %



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Cuối tháng 9/2024, Ấn Độ chính thức dỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu gạo, là quốc gia có vai trò lớn trên thị trường gạo thế giới, động thái Ấn Độ được các quốc gia và cộng đồng doanh nghiệp xuất khẩu gạo theo dõi sát sao. Khi Ấn Độ thay đổi chiến lược, giá gạo xuất khẩu toàn cầu sẽ bị ảnh hưởng, do đó để tránh rơi vào trạng thái bị động, bên cạnh việc nắm bắt tình hình các doanh nghiệp đã có sự điều chỉnh về kế hoạch sản xuất và nỗ lực duy trì chất lượng sản phẩm trên mọi lô hàng nhằm bảo vệ uy tín của thương hiệu gạo Việt trên thị trường quốc tế.

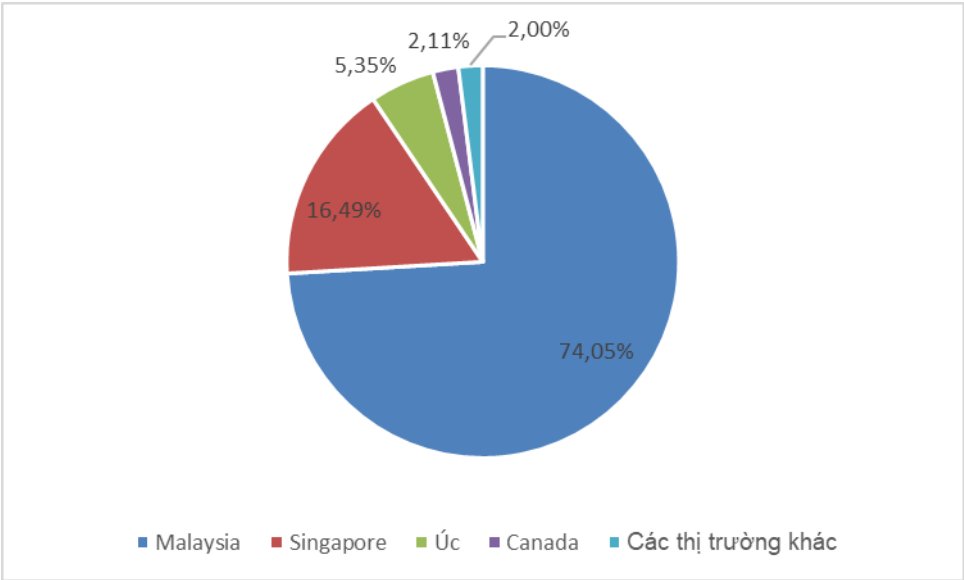
2. Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo sang các thị trường thành viên CPTPP

Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang các thị trường các thị trường thành viên CPTPP trong tháng 10/2024 ghi nhận mức tăng cả về sản lượng và trị giá so với tháng liền trước, chủ yếu là do xuất khẩu đến một số thị trường chủ lực đã hồi phục

trở lại. Đáng chú ý, Việt Nam là một trong những quốc gia được hưởng lợi từ lệnh cấm xuất khẩu gạo của Ấn Độ trong một năm qua, tuy nhiên khi Ấn Độ ban lệnh dỡ bỏ vào các tháng cuối năm, ngành gạo Việt Nam vẫn không bị ảnh hưởng nhiều do nhu cầu tiêu thụ trong các tháng cuối năm đang ở mức rất cao, đồng thời gạo Việt Nam hiện nay đã khẳng định được thương hiệu và vị thế trên thị trường, có khả năng cạnh tranh với các nguồn cung lớn khác.

Biểu đồ 2: Nhóm 4 thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất thuộc các thị trường thành viên CPTPP của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2024 (% tính theo trị giá)

DVT: %



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

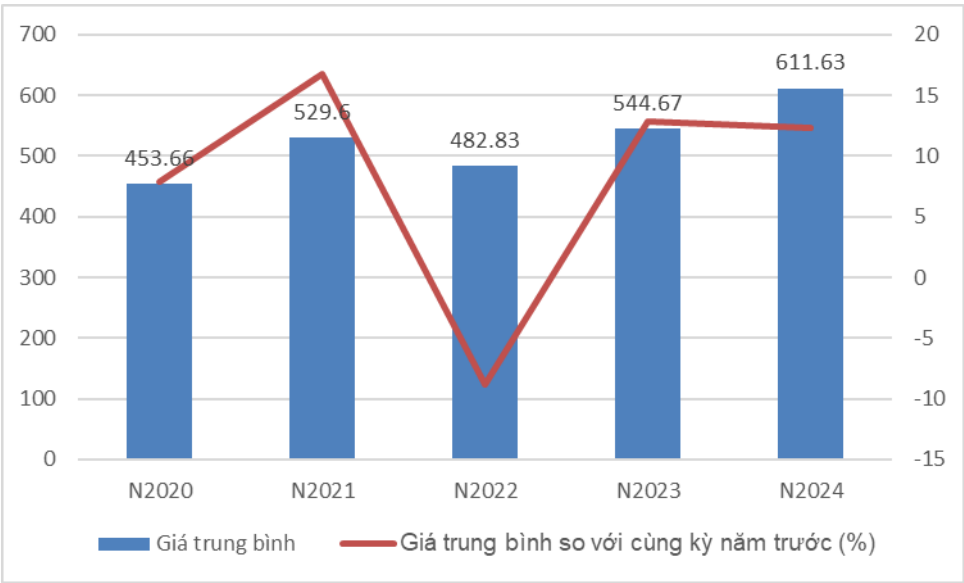
Trong số các thị trường thành viên CPTPP, Malaysia, Singapore, Úc và Canada tiếp tục duy trì vị trí là 4 thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam trong nhóm, với tỷ trọng lần lượt về trị giá là 74,05%; 16,49%, 5,35% và 2,11%.

Giá xuất khẩu gạo trung bình trong 10 tháng đầu năm 2024 đạt 611,63 USD/tấn, tăng nhẹ 0,09% so với 9 tháng đầu năm 2024 và tăng đáng kể 12,29% so với cùng kỳ năm 2023. Trong 10 tháng đầu năm giai đoạn 2020 – 2024, giá gạo xuất khẩu trung bình đạt 524,478 USD/tấn. Theo thông tin từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), so với trước khi Ấn Độ gỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu gạo trắng

thường (phi basmati) thì giá gạo xuất khẩu của hầu hết các quốc gia đều giảm từ 38-50 USD/tấn. Do đó, trong thời gian tới, để giữ giá gạo xuất khẩu được ổn định, các doanh nghiệp ngành lúa gạo Việt Nam cần chủ động phương án sản xuất và tiêu thụ phù hợp.

Biểu đồ 3: Giá gạo xuất khẩu trung bình 10 tháng đầu năm giai đoạn 2020 - 2024 và tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ các năm liền trước

(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Bảng 1: Thị trường xuất khẩu gạo nhóm CPTPP của Việt trong 10 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Trị giá - Nghìn USD, Lượng - tấn

Tên thị trường	Tháng 10/2024		So với tháng 9/2024 (%)		10 tháng đầu năm 2024		Tỷ trọng (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	69.928	43.149	17,46	16,40	881.022	540.045	100,00	100,00
Malaysia	47.567	27.667	7,91	5,87	674.735	399.880	76,59	74,05
Singapore	11.666	7.934	26,36	29,93	135.769	89.060	15,41	16,49
Úc	5.652	4.507	32,58	34,74	36.173	28.863	4,11	5,35

Canada	2.172	1.734	74,37	82,06	16.839	11.377	1,91	2,11
New Zealand	2.154	778	220,23	56,61	13.146	7.660	1,49	1,42
Nhật Bản	642	471			2.511	1.949	0,28	0,36
Chile		0			1.359	854	0,15	0,16
Mexico	54	42			335	258	0,04	0,05
Brunây		0	-100	-100	87	84	0,01	0,02
Peru	21	16			68	60	0,01	0,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

- **Thị trường Malaysia:**

Malaysia tiếp tục duy trì là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam trong nhóm CPTPP với lượng xuất khẩu trong tháng 10/2024 đạt 47,57 nghìn tấn; trị giá 27,67 triệu USD; tăng 7,91% về lượng và 5,87% về trị giá so với tháng trước đó. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2024, sản lượng xuất khẩu gạo đạt 674,74 nghìn tấn, tăng mạnh 87,70% so với 10 tháng đầu năm 2023; trị giá 399,88 triệu USD, tăng 117,21%; chiếm tỷ trọng 76,59% về lượng và 74,05% về trị giá trong các thị trường xuất khẩu gạo thuộc nhóm CPTPP.

Trong thời gian qua, gạo đã dần trở thành một trong những mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Malaysia, chỉ xếp sau máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện và mặt hàng sắt thép. Theo Thương vụ Việt Nam tại Malaysia, xuất khẩu Việt Nam sang thị trường này ngày càng có thêm nhiều cơ hội do sức mua của người tiêu dùng khá lớn, nhu cầu đa dạng và gần gũi về văn hóa tiêu dùng với hàng Việt Nam.

Bên cạnh đó, nước này cũng đang thiếu hụt nguồn cung nội địa về các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu như gạo, thủy hải sản, nên việc tăng cường nhập khẩu từ các thị trường trong cùng khối ASEAN như Việt Nam là điều chắc chắn. Ngoài ra, độ mở thị trường Malaysia lớn và mức độ rào cản tương đối thấp với hàng xuất khẩu của Việt Nam do cùng tham gia nhiều hiệp định tự do hóa thương mại khu

vực cũng là điều kiện để hàng Việt nói chung và mặt hàng gạo nói riêng thâm nhập sâu hơn vào thị trường này.

Bảng 2: Một số chủng loại gạo xuất khẩu chủ lực sang thị trường Malaysia trong 10 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Trị giá - Nghìn USD, Lượng - tấn

Chủng loại	Tháng 10 năm 204				10 tháng đầu năm 2024			
	Lượng	Trị giá	So với lượng trong tháng 9	So với trị giá trong tháng 9	Lượng	Trị giá	Tỷ trọng theo lượng (%)	Tỷ trọng theo trị giá (%)
Gạo trắng	28.101	12.568	108,28	64,53	534.208	305.213	66,48	64,58
Gạo tằm	16.899	9.404	-9,59	-9,78	106.530	60.257	13,26	12,75
Gạo nếp		0	-100,00	-100,00	76.489	46.973	9,52	9,94
Gạo thơm		0	-100,00	-100,00	65.986	45.592	8,21	9,65
Gạo giống Nhật	493	342	-29,17	-25,21	12.836	9.102	1,60	1,93
Gạo thơm	6.804	5.035	25575,47	27117,94	6.831	5.053	0,85	1,07

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Xét về chủng loại, gạo trắng tiếp tục là loại gạo Việt Nam xuất khẩu sang Malaysia nhiều nhất. Tính riêng tháng 10/2024, kim ngạch xuất khẩu gạo trắng sang Malaysia đạt 12,57 triệu USD, tăng 64,53% so với tháng 9/2024; lượng đạt 28,10 nghìn tấn, tăng rất mạnh 108,28%.

Lũy kế 10 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu gạo trắng đạt 305,21 triệu USD, chiếm tỷ trọng 64,58% tổng các chủng loại xuất khẩu sang Malaysia;

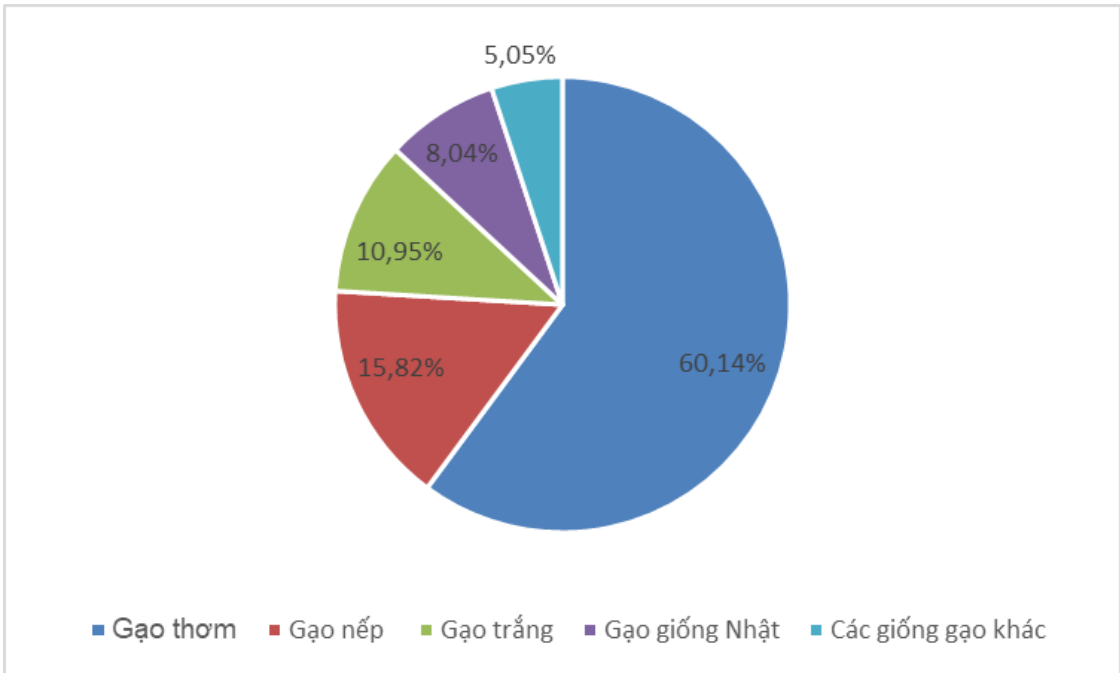
lượng đạt 534,21 nghìn tấn, chiếm tỷ trọng 66,48%. Ngoài ra, Việt Nam còn xuất khẩu nhiều gạo tằm, gạo nếp và gạo thơm sang thị trường Malaysia, với tỷ trọng lần lượt tính theo trị giá là 12,75%; 9,94% và 9,65%.

- **Thị trường Singapore**

Singapore là thị trường xuất khẩu gạo lớn thứ hai của Việt Nam, với sản lượng trong tháng 10/2024 đạt 11,67 nghìn tấn, tăng 26,36% so với tháng 9/2024; kim ngạch đạt 7,93 triệu USD, tăng 29,93%. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2024, sản lượng gạo xuất khẩu sang Singapore đạt 135,77 nghìn tấn, tăng 19,08% và trị giá 89,06 triệu USD, tăng 29,93%.

Biểu đồ 4: Tỷ trọng các chủng loại gạo xuất khẩu chủ lực sang thị trường Singapore trong 10 tháng đầu năm 2024 (tỷ trọng tính theo trị giá)

ĐVT: %



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Xét về chủng loại, gạo thơm là loại gạo Việt Nam xuất khẩu sang Singapore nhiều nhất. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu gạo thơm đạt 58,89 triệu USD, chiếm tỷ trọng 60,14% tổng các chủng loại xuất khẩu sang Singapore; lượng đạt 93,01 nghìn tấn, chiếm tỷ trọng 59,81%. Ngoài ra, Việt Nam

còn xuất khẩu nhiều gạo nếp, gạo trắng và gạo giống Nhật sang thị trường Singapore, với tỷ trọng lần lượt tính theo trị giá là 16,53%; 11,99% và 6,85%.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, Singapore nhập khẩu gạo từ nhiều nguồn cung, trong đó có ba nguồn cung lớn nhất đó là Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam, với tỷ trọng lần lượt đạt 30,81%; 30,44% và 29,44%. Mặc dù gạo Việt Nam phải cạnh tranh với nguồn gạo từ Thái Lan và Ấn Độ, tuy nhiên trong những năm qua gạo Việt đã có sự cải thiện lớn về chất lượng và mẫu mã vì vậy gạo Việt có khả năng cạnh tranh với các thị trường truyền thống này. Các doanh nghiệp xuất khẩu cần đẩy mạnh hơn nữa việc quảng bá và giới thiệu mặt hàng gạo của Việt Nam tại thị trường Singapore, trong đó chú trọng vào các hoạt động xúc tiến thương mại quy mô lớn.

Bảng 3: Nhóm các thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Singapore trong 9 tháng đầu năm 2024

ĐVT: Trị giá - Nghìn USD

Nguồn cung	Tháng 9/2024	So với Tháng 9/2023 (%)	9 tháng đầu năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng 9 tháng đầu năm 2024 (%)
<i>Thế giới</i>	<i>25.101</i>	<i>-2,80</i>	<i>251.372</i>	<i>7,11</i>	<i>100,00</i>
Ấn Độ	10.023	41,99	77.442	-9,15	30,81
Thái Lan	7.248	-17,83	76.519	4,85	30,44
Việt Nam	5.501	-23,94	74.006	25,28	29,44
Campuchia	436	-52,04	7.394	74,22	2,94
Nhật Bản	725	11,88	6.856	8,26	2,73
Pakistan	249	-46,91	2.698	188,56	1,07
Đài Loan	276	117,32	1.874	34,34	0,75
Myanmar	244	20,20	1.530	12,83	0,61
Hoa Kỳ	142	82,05	941	0,97	0,37

Úc	137	37,00	892	-13,48	0,35
Trung Quốc	66	83,33	470	120,66	0,19
Italy	21	31,25	258	-1,15	0,10
Canada	0		155		0,06
Bangladesh	7	-93,69	148	-68,17	0,06
Tây Ban Nha	14	133,33	53	32,50	0,02
Hàn Quốc	7	75,00	44	-52,17	0,02
Malaysia	0	-100,00	42	-42,47	0,02
Sri Lanka	0		24	26,32	0,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

3. Cơ cấu chủng loại mặt hàng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường CPTPP

Đứng đầu trong các chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường thành viên CPTPP trong 10 tháng đầu năm 2024 tiếp tục là loại Gạo trắng; tính riêng trong tháng 10/2024, sản lượng gạo trắng đạt 30,58 nghìn tấn, tăng mạnh 88,61% so với tháng 9/2024, trị giá 13,94 triệu USD, tăng 45,73%; cho thấy sự hồi phục của chủng loại này so với tháng liền trước khi chứng kiến mức tăng của cả lượng và trị giá; lũy kế 10 tháng đầu năm 2024, sản lượng gạo xuất khẩu sang các thị trường thành viên CPTPP đạt 562,60 nghìn tấn, kim ngạch đạt 321,96 triệu USD, chiếm tỷ trọng 54,05% về lượng và 51,39% về trị giá trong tổng các chủng loại gạo xuất khẩu sang các thị trường này.

Bảng 4: Một số chủng loại gạo xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang các thị trường thuộc nhóm CPTPP trong 10 tháng đầu năm 2024

ĐVT: Trị giá - Nghìn USD, Lượng – tấn

Chủng loại	Tháng 10 năm 204				10 tháng đầu năm 2024			
	Lượng	So với tháng	Trị giá	So với tháng	Lượng	Trị giá	Tỷ	

		9/2024		9/2024			trọng theo lượng (%)	Tỷ trọng theo trị giá (%)
Gạo trắng	30.575	88,61	13.942	45,73	562.601	321.955	54,05	51,39
Gạo thơm	20.174	18,50	13.924	15,11	212.111	140.604	20,38	22,44
Gạo tằm	18.241	-5,12	10.319	-4,82	113.210	64.986	10,88	10,37
Gạo nếp	2.532		1.619		105.528	64.874	10,14	10,35
Gạo giống Nhật	4.324	81,65	3.165	79,33	42.907	31.863	4,12	5,09
Gạo lứt	159	34,71	135	34,08	2.585	1.061	0,25	0,17
Gạo Hàm Châu	25		24		967	641	0,09	0,10

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

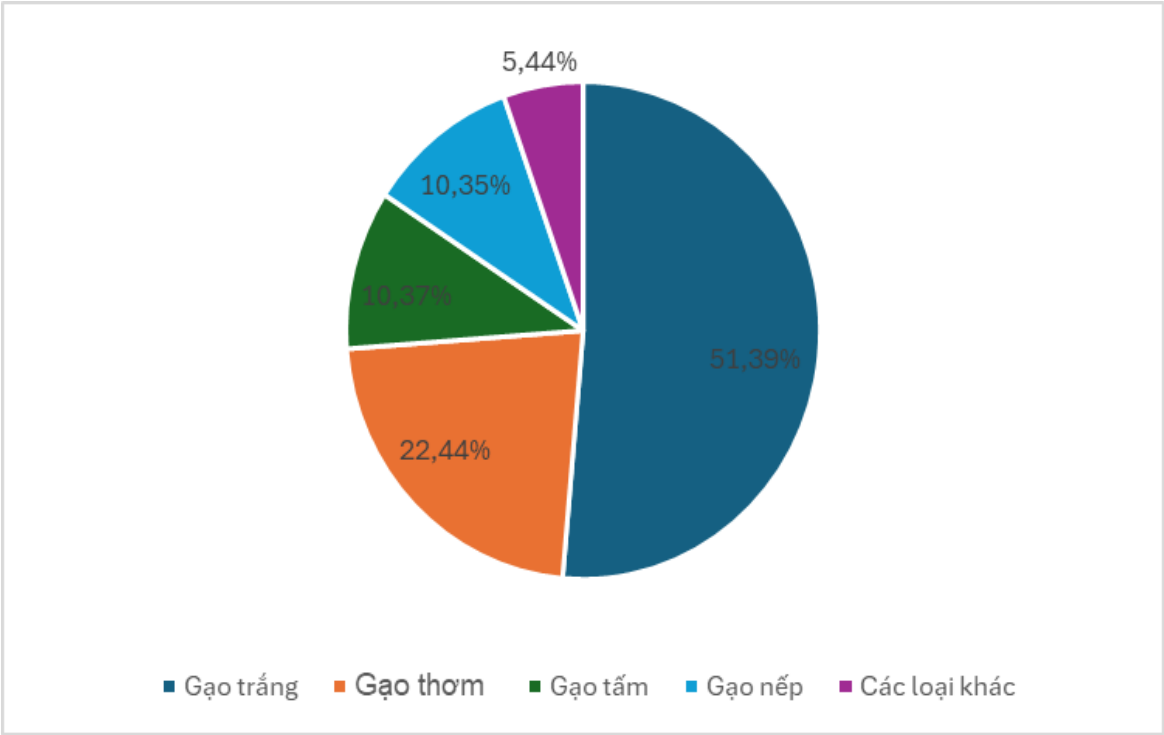
Xếp ở vị trí thứ hai trong nhóm này là chủng loại Gạo thơm với lượng trong tháng 10/2024 đạt 20,17 nghìn tấn, tăng 18,50% so với tháng 9/2024 và kim ngạch đạt 13,92 triệu USD, tăng 15,11%. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu sang các nước thuộc nhóm CPTPP tổng 140,60 triệu USD mặt hàng gạo thơm; lượng đạt 212,11 nghìn tấn, chiếm tỷ trọng 20,38% về lượng và 22,44% về trị giá trong cơ cấu chủng loại chung. Ngoài ra, gạo tằm, gạo nếp và gạo giống Nhật cũng là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực sang các thị trường thành viên CPTPP với tỷ trọng tương đối cao, lần lượt đạt 10,37%; 10,35% và 5,09%.

Ngoài ra, gạo tằm, gạo nếp và gạo giống Nhật cũng là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực sang các thị trường thành viên CPTPP với tỷ trọng tương đối cao, lần lượt đạt 10,37%; 10,35% và 5,09%. Trong các chủng loại gạo xuất khẩu, gạo giống Nhật là mặt hàng ghi nhận mức tăng rất mạnh cả về lượng và trị giá so với

tháng liền trước, với sản lượng đạt 4,3 nghìn tấn, tăng 81,65% và trị giá 3,17 triệu USD, tăng 79,33%.

Biểu đồ 5: Cơ cấu tỷ trọng các chủng loại gạo xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang nhóm CPTPP trong 10 tháng đầu năm 2024 (tính theo trị giá)

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

II. Cập nhật thông tin chính sách liên quan đến ngành hàng

Ngày 11/9/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 112/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về đất trồng lúa. Trong đó nêu rõ chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa; đầu tư, hỗ trợ đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng, áp dụng khoa học và công nghệ hiện đại cho vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

Hỗ trợ địa phương sản xuất lúa

Theo Nghị định, Ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa như sau:

- Hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa;

- Hỗ trợ 750.000 đồng/ha/năm đối với đất trồng lúa còn lại, trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa;
- Hỗ trợ thêm 1.500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

Nghị định nêu rõ, diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ theo điểm 1, điểm 2 nêu trên được xác định theo số liệu thống kê đất đai của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố của năm liền kề trước năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, riêng đối với kinh phí phân bổ cho năm 2025 là số liệu thống kê đất đai của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố của năm 2023.

Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ theo quy định tại điểm 3 nêu trên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này và công bố của năm liền kề trước năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

Đối với năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, cơ chế hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đối với chính sách quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này áp dụng nguyên tắc hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành tương ứng từng thời kỳ.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý, phân bổ nguồn ngân sách được hỗ trợ để thực hiện bảo vệ đất trồng lúa theo quy định.

*Thông tin cụ thể về quy định, vui lòng tham khảo **tai đây**.*

III. Đánh giá triển vọng và dự báo.

Dự báo xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng cuối năm 2024 sẽ tiếp tục có triển vọng ổn định và khả quan, tuy nhiên vẫn phải đối mặt với một số yếu tố

tác động từ thị trường quốc tế và tình hình sản xuất trong nước, trong đó có cả chính sách mới của Chính phủ Ấn Độ.

Ngoài Malaysia, Singapore và Úc là các thị trường tiêu thụ gạo truyền thống của Việt Nam, các quốc gia khác như Peru và Chile cũng có tiềm năng lớn trong việc tiêu thụ gạo Việt Nam khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực. Dù hiện tại mức tiêu thụ chưa cao, song với sự phát triển kinh tế và nhu cầu ngày càng tăng về thực phẩm thiết yếu chất lượng cao, đây sẽ là các thị trường có tiềm năng phát triển trong tương lai.